

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **69/2021/HSST**

Ngày: 02/02/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh - cán bộ hưu trí

Bà Nguyễn Thị Nhạn - cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 đến 02 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HS ngày 14/01/2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Hữu Ch; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 21 tháng 3 năm 1973, tại Nam Định; Nơi cư trú: D342, tổ 9, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1944; Có vợ là Huỳnh Thị Lệ H, sinh năm 1983 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2005 và nhỏ nhất sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 10 năm 2019, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2/ Nguyễn Văn Th; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1953, tại Hưng Yên; Nơi cư trú: 25/17B, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1916 và bà Lê Thị C, sinh năm 1918; Có vợ: Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1956 và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1988 và nhỏ nhất sinh năm 1990).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3/ Nguyễn H; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1966, tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: D246, tổ 4, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ học vấn: lớp 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Th, sinh năm 1935 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1937; Có vợ là Ngô Thị Hồng L, sinh năm 1967; Có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1991 và nhỏ nhất sinh năm 1993).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2020 đến ngày 23 tháng 10 năm 2020. Sau đó được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4/ Nguyễn Văn B; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1980, tại Hải Dương; Nơi cư trú: E186, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông là Nguyễn Văn H, sinh năm 1953 và Nguyễn Thị S, sinh năm 1954; Có vợ là Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1988 và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2016).

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5/ Trần Văn M; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1979, tại Thừa Thiên Huế; Hộ khẩu thường trú: thôn Th, xã L, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở: tổ 4, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; Có vợ là Trần Thị Ánh M, sinh năm 1982; Có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2006 và nhỏ nhất sinh năm 2008).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

6/ Lê Th; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1984, tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: 111A, ấp 4, xã Th, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Tông Th, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1966; Có vợ là Trần Thị Thu H, sinh năm 1985 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền án: Ngày 27/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng và phạt bổ sung số tiền 3.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. (thời điểm phạm tội chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung).

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/10/2020 đến ngày 01/11/2020, sau đó chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 1428/CSĐT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B.

7/ Nguyễn Văn V; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1975, tại Thái Bình; Hộ khẩu thường trú: xóm 10, xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: 24/53/11, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1944; Có vợ là Hồng Kiều Ng, sinh năm 1988; Có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1999 và nhỏ nhất sinh năm 2015).

Tiền án: Ngày 16/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; (chưa xóa án tích).

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/10/2020 đến ngày 01/11/2020, sau đó chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 1433/CSĐT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B.

8/ Lê Sỹ Q; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1979, tại Quảng Bình; Nơi cư trú: D341A, tổ 9, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Rốp S, sinh năm 1946 và bà Lê Thị H, sinh năm 1949; Có vợ là Lê Thị Thúy H, sinh năm 1987; Có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2020 đến ngày 23 tháng 10 năm 2020. Sau đó được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

9/ Nguyễn Văn Q; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1971, tại Nam Định; Nơi cư trú: 372, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1928 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1930; Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 23 tháng 10 năm 2020, Trần Văn V, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Q, Lê Sỹ Q, Nguyễn Văn B, Nguyễn H, Lê Th và Trần Văn M đi

đến nhà của Nguyễn Hữu Ch địa chỉ số D342, tổ 9, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai chơi và gửi giỗ 100 ngày thì được Ch tổ chức cho đánh bạc bằng hình thức “Xi tố” và “Tiến lên” được thua bằng tiền để thu tiền xâu. Thực hiện hành vi trên, Ch chuẩn bị 02 ống bơ bằng kim loại để đựng tiền xâu và mua 02 bộ bài tây (loại bài 52 lá) rồi sắp xếp vị trí đánh bạc trong nhà của Ch, tạo thành 02 chiếu bạc, cụ thể:

- Chiếu bạc thứ nhất tại phòng ngủ nhà Ch: gồm có V, Th, Sỹ Q và Văn Q đánh bạc với nhau bằng hình thức “Xi tố” sử dụng bộ bài tây 52 lá nhưng lọc bỏ những lá bài in số từ 2 đến 8 và chỉ sử dụng những lá bài còn lại để đánh bạc; quy ước (lá bài in số “9” là nhỏ nhất) và theo thứ tự tăng dần từ lá bài in chữ số “9”, “10”, “J”, “Q”, “K”, “A” (lá bài in chữ “A” là lớn nhất), cách thức đánh bạc cụ thể như sau: 04 người đánh bạc trên ngòai thành hình tròn tạo thành 04 tụ, một trong bốn người đánh bạc dùng bộ bài trên chia cho mỗi tụ 02 lá bài (01 lá úp, 01 lá ngửa) và đặt sắp lá bài còn lại úp xuống giữa chiếu bạc, người nào có lá bài ngửa lớn nhất thì đặt 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) (gọi là tiền đường) vào giữa chiếu bạc, ba người còn lại người nào tiếp tục đánh bạc (theo bài) thì cũng đặt số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) vào giữa chiếu bạc, lần lượt tới người thứ tư theo chiều ngược kim đồng hồ. Sau đó, đến lượt bài thứ hai, mỗi người lấy thêm 01 lá bài trong sắp bài đang úp nêu trên và đặt ngửa lá bài vào tụ của mình, người nào có lá bài lớn nhất trong số 04 lá bài vừa đặt ngửa thì được quyền đặt (tổ) số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) vào giữa chiếu bạc, 03 người còn lại nếu người nào theo bài thì cũng đặt số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) vào giữa chiếu bạc; các lượt bài tiếp theo cách thức tổ như trên nhưng số tiền đặt tổ cao hơn 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) so với lượt bài liền trước đó. Khi mỗi người chơi (trừ những người không theo bài) có đủ 05 lá bài (01 lá úp và 04 lá ngửa) thì từng người bắt đầu lật ngửa lá bài đang úp lên, nếu người nào có lá bài lớn nhất sẽ là người thắng và được lấy toàn bộ số tiền đường và tiền tổ đang đặt giữa chiếu bạc, đồng thời lúc này kết thúc ván bài, chuyển sang ván bài tiếp theo với cách thức đánh bạc tương tự. Tham gia đánh bạc nêu trên, V mang theo trên người số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và đã sử dụng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để đánh bạc; Th mang theo trên người số tiền 6.700.000đ (Sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng) và đã sử dụng số tiền 6.100.000đ (Sáu triệu, một trăm nghìn đồng) để đánh bạc; Sỹ Q mang theo trên người số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và đã sử dụng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để đánh bạc; Văn Q mang theo trên người và đã sử dụng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để đánh bạc.

- Chiếu bạc thứ hai tại khu vực bếp nhà Ch: gồm có Nguyễn H, Nguyễn Văn B, Lê Th và Trần Văn M tham gia đánh bạc với nhau bằng hình thức “Tiến lên” sử dụng bộ bài tây 52 lá; quy ước lá bài từ nhỏ đến lớn theo thứ tự từ lá bài in chữ số từ (“3”, “4”, “5”, “6”, “7”, “8”, “9”, “10”, “J”, “Q”, “K”, “A”) và lá bài in số “2” (lá bài in số “2” là lá bài lớn nhất); cách thức đánh bạc cụ thể như sau: 04 người đánh bạc trên ngòai thành hình tròn tạo thành 04 tụ, bắt đầu một ván đánh bạc, mỗi

tự được chia 13 lá bài, sau đó một trong bốn người đánh bạc đặt ngửa xuống chiếu bạc (gọi tắt là “hạ”) một hoặc một số lá bài (tùy theo từng dạng bài khác nhau đã được quy ước như: dạng bài hai lá bài in số “3”; dạng bài ba lá bài in số “3”; dạng bài ba lá in số “3”, “4”, “5”;...), người đánh bạc tiếp theo (theo chiều ngược chiều kim đồng hồ) nếu theo bài thì tự chọn trong số 13 lá bài của mình để hạ xuống chiếu bạc nhưng phải là những lá bài hoặc dạng bài cùng dạng của người đánh bạc vừa hạ xuống trước đó hoặc dạng bài được quy ước là lớn hơn. Trường hợp, một trong bốn người đánh bạc hạ lá bài xuống chiếu bạc nhưng những người còn lại không ai theo bài thì người đó tiếp tục được hạ lá bài khác xuống và những người đánh bạc còn lại nếu theo bài thì cũng dùng những lá bài lớn hơn của mình để hạ xuống chiếu bạc, lần lượt theo chiều ngược chiều kim đồng hồ. Đến khi có ba trong bốn người đánh bạc hạ hết 13 lá bài xuống chiếu bạc thì kết thúc một ván bài, người nào hạ hết 13 lá bài sớm nhất là người thắng nhất và được lấy số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) của người hạ hết 13 lá bài cuối cùng; người nào hạ hết 13 lá bài sớm thứ hai là người thắng nhì và được lấy số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) của người hạ hết 13 lá bài sớm thứ ba. Ngoài ra, những người đánh bạc còn quy ước một số dạng bài thắng trắng, tức là nếu sau khi chia mỗi người 13 lá bài, người nào có các dạng bài như: dạng bài có bốn lá bài in cùng số hoặc cùng chữ (gọi là tứ quý); dạng bài có sáu cặp lá bài cùng số hoặc cùng chữ,... thì người này được lấy số tiền của ba người còn lại, mỗi người 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Tham gia đánh bạc nêu trên, H mang theo trên người và sử dụng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để đánh bạc; B mang theo trên người và sử dụng số tiền 4.800.000đ (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) để đánh bạc; Th mang theo trên người số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng) và sử dụng số tiền 2.200.000đ (Hai triệu, hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc; M mang theo trên người và sử dụng số tiền 4.700.000đ (Bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng) để đánh bạc.

Đến 15 giờ cùng ngày, khi V, Th, Sỹ Q, Văn Q, H, B, Th và M đang đánh bạc bằng các hình thức nêu trên thì bị lực lượng Công an thành phố B phát hiện, bắt quả tang, thu giữ:

- Trên chiếu bạc thứ nhất tổng số tiền 7.900.000đ (Bảy triệu, chín trăm nghìn đồng) và 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) trong ống bơ đựng tiền xâu;
- Trên chiếu bạc thứ hai tổng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) trong ống bơ đựng tiền xâu.

Đồng thời thu giữ tổng số tiền 29.900.000đ (Hai mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng) trên người của V, Th, Sỹ Q, Văn Q và số tiền 2.100.000đ (Hai triệu, một trăm nghìn đồng) của Thanh tại vị trí góc tường gần chiếu bạc thứ hai. Sau đó, vụ việc được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố, điều tra xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 02 bộ bài (loại bài Tây 52 lá) và 02 ống bơ kim loại, là công cụ đánh bạc và tổ chức đánh bạc.

- Tổng số tiền 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) gồm: 12.900.000đ (Mười hai triệu, chín trăm nghìn đồng) thu trên 02 chiếc bạc; 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo Văn Q; 4.600.000đ (Bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo B; 4.900.000đ (Bốn triệu, chín trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo H và số tiền 2.100.000đ (Hai triệu, một trăm nghìn đồng) của bị cáo Th thu tại góc tường khu vực đánh bạc. Là tiền sử dụng để đánh bạc.

- Số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) thu trong 02 ống bơ sắt tại địa điểm tổ chức đánh bạc, trong đó 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) là tiền xâu bị cáo Ch thu được từ việc tổ chức đánh bạc và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền của bị cáo Ch bỏ ra để đổi tiền cho các bị cáo đánh bạc.

- Tổng số tiền 18.900.000đ (Mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng) gồm: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) thu trên người bị cáo Sỹ Q, 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thu trên người bị cáo V, 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo Th và 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo Th. Là tài sản của các bị cáo, hiện đang tạm giữ.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11, thu giữ của bị cáo Ch; 01 chiếc đồng hồ hiệu Apple Watch và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11, thu giữ của bị cáo Sỹ Q; 01 chiếc xe mô tô hiệu Airbalade biển số 60F3-332.31 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A8 Star, thu giữ của bị cáo Văn Q; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, thu giữ của bị cáo V; 01 chiếc xe mô tô hiệu Vision biển số 60F3-574.36 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A3S, thu giữ của bị cáo Th; 01 chiếc xe mô tô hiệu Airbalade biển số 60B1-456.90 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A31, thu giữ của bị cáo B; 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 60C1-398.60 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7+, thu giữ của bị cáo M và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20, thu giữ của bị cáo H. Là tài sản cá nhân của các bị cáo, không sử dụng vào hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho các bị cáo.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Xipo biển số 59S1-355.16, thu giữ của bị cáo Th, là tài sản của anh Trần Quang Q (sinh năm 1990, ngụ tại tổ 9, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) cho bị cáo Th mượn để sử dụng; anh Q không biết bị cáo Th sử dụng xe để đi đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại chiếc xe trên cho anh Q.

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone Xsmax màu vàng và số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), thu giữ của anh Nguyễn Trung H (sinh năm 1998, ngụ tại số 397a, ấp T, xã Đ, huyện Th, tỉnh Đồng Nai), là tài sản của anh H không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh H.

Tại cáo trạng số 57/CT-VKS-HS ngày 11/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố:

Bị cáo Nguyễn Hữu Ch về tội “ Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a,

c khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn H, Nguyễn Văn V; Lê Sỹ Q, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn B, Trần Văn M, Lê Th về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt các bị cáo:

1/ Nguyễn Hữu Ch mức hình phạt tiền từ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) - 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

2/ Nguyễn Văn Th mức hình phạt tiền từ 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) - 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)

3/ Nguyễn H mức hình phạt tiền từ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)- 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

4/ Nguyễn Văn Ba mức hình phạt tiền từ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đến 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

5/ Trần Văn Minh mức hình phạt tiền từ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đến 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

6/ Lê Th mức hình phạt tù từ 06 (sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù.

7/ Nguyễn Văn V mức hình phạt tù từ 06 (sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù

8/ Lê Sỹ Q mức hình phạt tiền từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) - 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

9/ Nguyễn Văn Q mức hình phạt tiền từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)- 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về pháp luật áp dụng và xác định tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 12 giờ ngày 23 tháng 10 năm 2020, tại nhà của bị cáo Nguyễn Hữu Ch ở địa chỉ số D342, tổ 9, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Ch đã có hành vi tổ chức 02 chiếu bạc cho các bị cáo Trần Văn V, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Q, Lê Sỹ Q, Nguyễn Văn B, Nguyễn H, Lê Th và Trần Văn

M đánh bạc bằng hình thức “Xì tố” và “Tiến lên” được thua bằng tiền để thu tiền xâu, thì bị phát hiện, bắt quả tang, khởi tố điều tra xử lý. Tổng số tiền dùng đánh bạc là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Căn cứ điểm a,c khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 hành vi của Nguyễn Hữu Ch đã cấu thành tội “ Tổ chức đánh bạc”

Căn cứ khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 hành vi của các bị cáo: Nguyễn Văn Th, Nguyễn H, Nguyễn Văn B, Trần Văn M, Lê Th, Nguyễn Văn V, Lê Sỹ Q, Nguyễn Văn Q đã cấu thành tội “ Đánh bạc”.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, làm phát sinh các loại tội phạm nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa hôm nay các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, vai trò của các bị cáo trong vụ án này như sau:

Bị cáo Ch là người chuẩn bị công cụ phạm tội, bố trí, sắp xếp địa điểm cho các bị cáo khác trong vụ án đánh bạc nên bị cáo giữ vai trò là người tổ chức đánh bạc, bị cáo đã thực hiện tích cực hành vi tổ chức đánh bạc nên bị cáo phải chịu mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên xét thấy số tiền bị cáo thu xâu không lớn nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được áp dụng hình phạt tiền cũng có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo Th , H, B , M, Th, V, Sỹ Q, Văn Q tham gia đánh bạc với vai trò là con bạc, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của các bị cáo cụ thể như sau:

- + Bị cáo Th: 6.100.000đ (Sáu triệu, một trăm nghìn đồng).
- + Bị cáo H: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- + Bị cáo B: 4.800.000đ (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).
- + Bị cáo M: 4.700.000đ (Bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng).
- + Bị cáo Th: 2.200.000đ (Hai triệu, hai trăm nghìn đồng).
- + Bị cáo V: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).
- + Bị cáo Sỹ Q: 1.000.000đ (Một triệu đồng).
- + Bị cáo Văn Q: 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Theo hồ sơ vụ án, bị cáo Th đã từng bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Đánh bạc” theo bản án số 108/2013/HSST ngày 27/05/2013, chưa được xóa án tích; bị cáo V đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Tr xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “ Gây rối trật tự công cộng” theo bản án số 173/2019/HSST ngày 16/10/2019, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo Th và bị cáo V phải chịu thêm tình tiết tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm

2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cần thiết tiếp tục cách ly bị cáo Th và bị cáo V ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng xét thấy bị cáo Th, bị cáo V có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Th, H, B, M, Sỹ Q, Văn Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo H có khuyết tật ở hai chân nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Th, H, B, M, Sỹ Q, Văn Q ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được áp dụng hình phạt tiền cũng đủ có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc, diễn ra vào ngày 22/10/2020 tại nhà của bị cáo Ch, không đủ căn cứ, tài liệu để chứng minh nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[4] Về biện pháp tư pháp:

* 02 bộ bài (loại bài Tây 52 lá) và 02 ống bơ bằng kim loại dùng để đựng tiền “xâu”, là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp

* Số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) là tiền dùng để đánh bạc và tổ chức đánh bạc, gồm: 12.900.000đ (Mười hai triệu, chín trăm nghìn đồng) thu trên 02 chiếu bạc; 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo Văn Q; 4.600.000đ (Bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo B; 4.900.000đ (Bốn triệu, chín trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo H; số tiền 2.100.000đ (Hai triệu, một trăm nghìn đồng) thu tại góc tường gần chiếu bạc của bị cáo Th và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) thu trong 02 ống bơ bằng kim loại nên tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp.

* số tiền 18.900.000đ (Mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng) của các bị cáo Sỹ Q, V, Th, Th không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo là phù hợp, gồm:

- 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) thu trên người bị cáo Sỹ Q.
- 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thu trên người bị cáo V,
- 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo Th
- 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo Th.

[5] Về án phí HSST: mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Ch phạm tội “ Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Ch 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, điều 58, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Th, bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “ Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Th 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 23/10/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 23/10/2020.

Căn cứ vào khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51, điều 58, điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017(Áp dụng thêm điểm p khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hùng).

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn H, Nguyễn Văn B, Trần Văn M, Lê Sỹ Q, Nguyễn Văn Q phạm tội “ Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Xử Phạt bị cáo Nguyễn H 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lê Sỹ Q 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 bộ bài (loại bài Tây 52 lá) và 02 ống bơ bằng kim loại dùng để đựng tiền “xâu”.

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

Số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) là tiền dùng để đánh bạc và tổ chức đánh bạc, gồm: 12.900.000đ (Mười hai triệu, chín trăm nghìn đồng) thu trên 02 chiếu bạc; 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo Văn Q; 4.600.000đ (Bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo B; 4.900.000đ (Bốn triệu, chín trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo H; số tiền 2.100.000đ (Hai triệu, một trăm nghìn đồng) thu tại góc tường gần chiếu bạc của bị cáo Th và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) thu trong 02 ống bơ bằng kim loại.

Trả lại cho các bị cáo:

+ Bị cáo Sỹ Q 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Văn V 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Văn Th 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Lê Th 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Theo biên lai thu tiền số 000485 ngày 01/02/2021 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Về án phí HSST: áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mộng Hà